

Bản án số: 106/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản
khi ly hôn, nợ chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hương
2. Ông Trần Hoài Duy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Trung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 646/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A, Đường N, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 083179004032, do Bộ C cấp ngày 31/7/2024; Có đơn xin giải quyết vắng mặt

Bị đơn: Ông Trần Thanh K, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số A, Đường N, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072077010442 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 18/10/2022; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quý tín dụng nhân dân L; Địa chỉ: E, Đường N, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Anh Đ – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H, ông K chung sống vợ chồng từ năm 1998, đến ngày 21/8/2002 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh). Quá trình chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc, ông K ham mê cờ bạc không lo cho gia đình nên bà H xin ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Quốc D, sinh năm 1999 và Trần Quốc B, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại Đơn khởi kiện ngày 03/10/2025, bà H yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà tại số A, Đường N, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh và yêu cầu giải quyết đối với số tiền nợ chung 150.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân Long Thành Bắc thì vợ chồng chia đôi trách nhiệm trả nợ. Ngày 14/01/2026, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thanh K trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, như bà H trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông K nhận thấy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông K thì ông K đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Trần Quốc D, sinh năm 1999 và Trần Quốc B, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Quỹ tín dụng nhân dân L trình bày:*

Quỹ tín dụng nhân dân L Bắc không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trong trường hợp nếu ông K, bà H có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh giải quyết theo quy định pháp luật.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông K.

+ Về con chung: Có 02 con chung là Trần Quốc D, sinh năm 1999 và Trần Quốc B, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành, ghi nhận bà H, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn của bà H đối với ông K.

+ Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H có yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, nợ chung” với ông K có địa chỉ cư trú tại phường L, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông K chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 21/8/2002 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông K: Bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc, ông K ham mê cờ bạc không lo cho gia đình; ông K cũng cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà H, ông K đã có phát sinh mâu thuẫn, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H, ông K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H đối với ông K là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Quốc D, sinh năm 1999 và Trần Quốc B, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành, ghi nhận bà H, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại Đơn khởi kiện ngày 03/10/2025, bà H yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà tại số A, Đường N, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh và yêu cầu giải quyết đối với số tiền nợ chung 150.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân Long Thành Bắc thì vợ chồng chia đôi trách nhiệm trả nợ. Ngày 14/01/2026, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu

cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Ông K không có yêu cầu phản tố tranh chấp về tài sản chung, nợ chung. Quỹ tín dụng nhân dân L Bắc cũng không có yêu cầu độc lập tranh chấp đối với khoản nợ của ông K, bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà tại số A, Đường N, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

- Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 10.300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008458 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào [Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015](#); Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Thanh K. Bà H, ông K được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Quốc D, sinh năm 1999 và Trần Quốc B, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành, ghi nhận bà H, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà tại số A, Đường N, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Bà H được quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 10.300.000 đồng theo Biên

lai thu số 0008458 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 10.000.000 đồng.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Long Hoa, tỉnh TN;
- Lưu hồ sơ vụ án (03.D01.149.10.938971);
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung